| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LÀO CAI**<br>**TỈNH LÀO CAI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 21/2023/DS-ST
Ngày 09/8/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lê Kim Phượng

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Hòa

Ông Hoàng Văn Ngân

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nông Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 29/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T.

Địa chỉ trụ sở: Số 266 - 268, đường N, phường 8,quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D chức vụ - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Nguyên K - Giám đốc Chi nhánh Lào Cai.

Địa chỉ: Số 497A, đường H, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. (Theo quyết định ủy quyền số: 3270/2022/QĐ – PL ngày 26/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trần Thị T – Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro – Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T- Chi nhánh Lào Cai.

Địa chỉ: Số 497A, đường H, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. (Theo Giấy ủy quyền số: 03/2022/GUQ-CNLC ngày 30/12/2022 của Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T - Chi nhánh Lào Cai). Có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T

Địa chỉ: Số 10, đường C, tổ 6, phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:**

Ngày 23/06/2022, bà Nguyễn Thị Minh T và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T chi nhánh Lào Cai có ký hợp đồng số 2084353 sử dụng thẻ tín dụng: Loại thẻ VS pay Wave CrePlatinum Cashback, số thẻ 436438 - 5043, hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Sau khi thẻ được kích hoạt ngày 28/06/2023, vào ngày 29/06/2022 bà T đã thực hiện vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay số tiền 50.000.000đồng, thời hạn vay 04 tháng, lãi suất 1%/ tháng. Vì khoản vay trên Sacombank Pay và thẻ tín dụng là khoản vay tín chấp nên không có tài sản bảo đảm cho các khoản vay này.

- Đối với khoản vay tiêu dùng: Ngày 29/6/2022 số tiền vay 50.000.000đồng thời hạn vay 04 tháng, lãi suất góp đều 1%/tháng. Hàng tháng phải trả tiền gốc 12.500.000đồng, tiền lãi là 500.000đồng, trả chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng (ngày 25 hàng tháng là ngày chốt bi11- sẽ hiện lên số tiền trả nợ của kỳ kế tiếp). Do bà T không thanh toán đầy đủ gốc lãi từ thời ký tháng 11/2022 nên sau 03 kỳ bà T bị chuyển nợ quá hạn (bắt đầu từ ngày 25/12/2022). Tại thời điểm này sẽ chốt lại dư nợ còn lại để tính lãi quá hạn 150% như sau:

Tổng số tiền bà T thanh toán cho Ngân hàng 14.000.000đồng; Tổng số tiền lãi, phí bà T phải trả trước khi lãi suất quá hạn là: 3.950.000 đồng; Số tiền còn lại sau khi thanh toán lãi, phí là 14.000.000đồng – 3.950.000 đồng = 10.050.000 đồng (số tiền này sẽ thu vào gốc); Tổng số tiền gốc bà T còn nợ là 50.000.000 đồng – 10.050.000đồng = 39.950.000đồng.

Lãi tính từ thời điểm chuyển nợ quá hạn: Ngân hàng quy đổi từ lãi suất góp đều sang lãi suất theo dư nợ giảm dần 1,55 % /tháng.

Lãi suất quá hạn 1 ngày = (39.950.000đồng x 1.55% x 150%)/30 ngày = 30.961 đồng; Lãi từ ngày 25/12/2022 đến ngày 25/01/2023 số tiền lãi = 30.961 đồng x 31 ngày = 959.791 đồng; Lãi từ ngày 25/01/2023 đến ngày 25/02/2023 số tiền lãi = 30.961 đồng x 31 ngày = 959.791 đồng; Lãi từ ngày 25/02/2023 đến ngày 25/03/2023 số tiền lãi = 30.961đồng x 28 ngày = 866.908 đồng; Lãi từ ngày 25/03/2023 đến ngày 25/04/2023 số tiền lãi = 30.961 đồng x 31 ngày = 959.791 đồng; Lãi từ ngày 25/04/2023 đến ngày 25/05/2023 số tiền lãi = 30.961 đồng x 30 ngày = 928.838 đồng; Lãi từ ngày 25/05/2023 đến ngày 25/06/2023 số tiền lãi = 30.961 đồng x 31 ngày = 959.791 đồng; Lãi từ ngày 25/06/2023 đến ngày 25/07/2023 số tiền lãi = 30.961 đồng x 30 ngày = 928.838 đồng; Lãi từ ngày 25/07/2023 đến ngày 09/08/2023 số tiền lãi = 30.961 đồng x 15 ngày = 464.415 đồng. Tổng số lãi quá hạn: 7.028.147 đồng.

Tổng số còn nợ đối với số tiền vay tiêu dùng là: Tiền gốc: 50.000.000đồng + lãi quá hạn 7.028.147 đồng = 46.978.147 đồng.

- Đối với thẻ tín dụng:

Phí: Đây là khoản phí thường niên theo quy định của Ngân hàng: 999.000đồng/ năm; Phí trễ hạn: Thu theo quy định của Ngân hàng khi khách hàng không thanh toán đủ ít nhất số tiền tối thiểu; Lãi: Từ ngày 05/10/2022: Lãi phát sinh do hệ thống tự động tính dựa trên các giao dịch khách hàng đã sử dụng.

Từ ngày 05/01/2023 (chuyển nhóm nợ xấu): Khách hàng chuyển nợ quá hạn khi không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu 3 kỳ liên tiếp. Lãi suất của khách hàng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là 29,8%/năm, tính theo tháng là 2,482 %/tháng. Khách hàng quá hạn lãi được tính 150% lãi suất trong hạn, lãi tính theo 1 ngày:

Lãi quá hạn 1 ngày = (162.737.387 đồng x 2,482 % x 150 %)/30 ngày = 201.957 đồng.

Lãi từ ngày 05/01/2023 đến ngày 13/01/2023: Lãi tự động tính ra số tiền là: 1.212.390đồng; Lãi từ ngày 14/01/2023 đến ngày 05/02/2023: Số tiền lãi = 201.957 đồng x 22 ngày = 4.443.054đồng; Lãi từ ngày 05/02/2023 đến ngày 05/03/2023: Số tiền lãi = 201.957 đồng x 28 ngày = 5.654.796 đồng; Lãi từ ngày 05/03/2023đến ngày 05/04/2023: Số tiền lãi = 201.957đồng x 31 ngày = 6.626.667 đồng; Lãi từ ngày 05/04/2023 đến ngày 05/05/2023: Số tiền lãi = 201.957 đồng x 30 ngày = 6.058.710 đồng; Lãi từ ngày 05/05/2023 đến ngày 05/06/2023: Số tiền lãi = 201.957 đồng x 31 ngày = 6.626.667đồng; Lãi từ ngày 05/06/2023đến ngày 05/07/2023: Số tiền lãi = 201.957 đồng x 30 ngày = 6.058.710 đồng; Lãi từ ngày 05/07/2023 đến ngày 05/08/2023: Số tiền lãi = 201.957 đồng x 31 ngày = 6.626.667 đồng; Lãi từ ngày 05/08/2023 đến ngày 09/08/2023: Số tiền lãi = 201.957 đồng x 04 ngày = 807.828 đồng. Tổng lãi quá hạn: 43.017.489 đồng.

Tiền gốc: Tổng số tiền bà T đã giao dịch là: 396.951.621đồng; Tổng số tiền bà T đã thanh toán là: 254.340.897 đồng; Tổng số tiền lãi, phí bà T phải trả trước khi áp dụng lãi suất quá hạn là: 20.126.663 đồng; Số tiền còn lại khi thanh toán lãi, phí là: 254.340.897đồng – 20.126.663 đồng = 234.214.234 đồng (số này sẽ trừ vào gốc). Tổng số bà T còn nợ 396.951.621 đồng – 234.214.234 đồng = 162.737.153 đồng.

Tổng số tiền nợ đối với thẻ tín dụng tiền gốc: 162.737.153 đồng + lãi quá hạn: 43.017.489 đồng = 205.754.876 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ và vay tiêu dùng trên Sacombank Pay, do bà Nguyễn Thị Minh T không tuân thủ nghĩa vụ trả nợ trả nợ: Đối với khoản tiền vay tiêu dùng 50.000.000đồng, khoản vay được chia lịch trả nợ cho 04 kỳ, số tiền gốc mỗi kỳ trả 12.000.000đồng, số tiền lãi mỗi kỳ là 500.000đồng. Tổng số tiền bà T phải thanh toán mỗi kỳ là 13.000.000đồng tính đến ngày 09/8/2023 bà T đã thanh toán 01 lần cho Ngân hàng với tổng số tiền là 14.000.000 đồng bao gồm gốc, lãi và phí trễ hạn; Đối với khoản thẻ tín dụng: Bà T thực hiện thanh toán cho Ngân hàng 04 lần với tổng số tiền là 254.340.897 đồng. Trong đó ngày 05/8/2022 thanh toán số tiền 104.643.000 đồng. Ngày 05/9/2022 thanh toán số tiền 145.197.897đồng. ngày 05/12/2022 thanh toán số tiền 2.000.000đồng. Ngày 05/01/2023 thanh toán số tiền 2.500.000đồng. Các kỳ còn lại bà T không thanh toán số tiền đến hạn cho Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện trí trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng nên hiện tại khoản vay của bà T đã được Ngân hàng phân nợ theo đúng quy định vào nhóm nợ xấu (nhóm 3). Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu bà T trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 09/8/2023. Cụ thể là: Đối với khoản vay tiêu dùng: Tiền gốc: 39.950.000đồng + lãi quá hạn: 7.028.147 đồng = 46.978.147 đồng; Đối với thẻ tín dụng: Tiền gốc: 162.737.387 đồng + Lãi quá hạn 43.017.489 đồng = 205.754.876 đồng. Tổng dư nợ gốc: 202.687.387đồng + Lãi quá hạn 50.045.636 đồng = 252.733.023 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/8/2023 cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/6/2022.

**Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:** Ngày 23/06/2022, bà T đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2084353 với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T chi nhánh Lào Cai như sau: Hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); Mục đích vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân; Lãi suất áp dụng là 28.8%/năm; Lãi suất quá hạn là 29.8%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi thẻ kích hoạt, ngày 29/6/2022, bà T đã thực hiện vay tiêu dùng số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 04 tháng; lãi suất vay: 1%/1 tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ thì ngày 31/8/2022 bà T có thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 14.000.000 đồng; Ngày 01/12/2022 bà T thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng; Ngày 20/12/2022 bà T thanh toán số tiền 2.000.000 đồng; Ngày 21/12/2022 thanh toán 500.000 đồng; Ngày 07/04/2023 thanh toán 1.000.000 đồng cho Ngân hàng.

Do bà T làm ăn thua lỗ nên mất khả năng trả đủ đúng như trong hợp đồng, nên hiện tại bà T thu nhập không ổn định. Bà T hứa sẽ trả từ 1.000.000đồng đến 3.000.000 đồng/1 tháng thời điểm này. Sau này bà T cố gắng làm việc bà T sẽ kiếm trả hết số tiền trên, mong Ngân hàng giảm lãi giúp bà T để bà T hoàn gốc sớm. Bà T vẫn ở tại địa phương và có hợp tác giữ liên lạc. Bà T không trốn tránh trách nhiệm của mình.

Quá trình giải quyết, Toà án đã tiến hành tống đạt, đầy đủ các giấy tờ tố tụng của Toà án cho bà Nguyễn Thị Minh T nhưng bà Nguyễn Thị Minh T không đến toà án tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đối với bị đơn Toà án đã tiến hành tống đạt, đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng bị đơn không đến Tòa án tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Toà án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 466,

470 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 91; 95; 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 09/08/2023 là: 252.733.023 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu bẩy trăm ba mươi ba nghìn không trăm hai mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh; Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét hợp đồng thẻ tín dụng:

[2.1] Xét hợp đồng sử dụng thẻ: Ngày 23/06/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T, Chi nhánh tại Lào Cai và bà Nguyễn Thị Minh T có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2084353; Loại thẻ VS pay Wave CrePlatinum Cashback, số thẻ 436438 - 5043, hạn mức thẻ: 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng). Sau khi thẻ được kích hoạt, ngày 29/06/2022 bà T đã thực hiện vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay số tiền 50.000.000đồng, thời hạn vay 04 tháng, lãi suất 1%/ tháng.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng về hình thức hợp đồng tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự, các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T.Các bên tự nguyện tham gia ký kết, không bị ai ép buộc. Nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng tín dụng là hợp pháp.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Sau khi thẻ được kích hoạt ngày 29/6/2022 bà T đã thực hiện vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay số tiền 50.000.000đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ và vay tiêu dùng trên Sacombank Pay, bà T thường xuyên không tuân thủ nghĩa vụ trả nợ:

Đối với khoản vay tiêu dùng: Từ khi vay đến nay được 04 kỳ nhưng bà T đã không thanh toán 03 kỳ. Tính đến ngày 09/8/2023 bà T đã thanh toán 01 lần cho Ngân hàng với tổng số tiền là 14.000.000 đồng bao gồm gốc, lãi và phí trễ hạn; Ngày 25/12/2022 bị chuyển lãi quá hạn. Đối với khoản thẻ tín dụng: Bà T thực hiện thanh toán cho Ngân hàng 04 lần với tổng số tiền là 254.340.897 đồng. Trong đó ngày 05/08/2022 thanh toán số tiền 104.643.000 đồng. Ngày

05/09/2022 thanh toán số tiền 145.197.897đồng. Ngày 05/12/2022 thanh toán số tiền 2.000.000đồng. Ngày 05/01/2023 thanh toán số tiền 2.500.000đồng. Các kỳ còn lại bà T không thanh toán số tiền đến hạn cho Ngân hàng. Từ ngày 05/01/2023 bị chuyển lãi quá hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Minh T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng nên bị chuyển nợ quá hạn. Như vậy, bà Nguyễn Thị Minh T đã vi phạm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng không thực hiện nghĩa vụ trả gốc, lãi theo hợp đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T xác định tính đến ngày 09/08/2023 bà T còn nợ tổng số tiền là 252.733.023 đồng. Cụ thể: Đối với khoản vay tiêu dùng: Tiền gốc: 39.950.000đồng; Tiền lãi quá hạn: 7.028.147 đồng . Tổng nợ 46.978.147 đồng; Đối với thẻ tín dụng: Tiền gốc: 162.737.387 đồng; Tiền lãi quá hạn 43.017.489 đồng. Tổng nợ 205.754.876 đồng.

Việc cho vay, cách tính lãi của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết. Như vậy là có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T tổng số tiền là 252.733.023 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

[4] Đối với ý kiến của bị đơn trình bày trong bản tự khai bà T hứa sẽ trả từ 1.000.000đồng đến 3.000.000đồng/1 tháng thời điểm này. Sau này, bà T cố gắng làm việc bà T sẽ kiếm trả hết số tiền trên, mong Ngân hàng giảm lãi suất giúp cho bà T để bà T hoàn gốc sớm. Bà T vẫn ở tại địa phương và có hợp tác giữ liên lạc. Bà T không trốn tránh trách nhiệm của mình. Quá trình giải quyết bà T không đến toà án tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn không chấp nhận ý kiến của bị đơn. Do vậy, không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà Nguyễn Thị Minh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 09/08/2023 là: 252.733.023 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn không trăm hai mươi ba đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là: 202.687.387đồng; tiền Lãi quá hạn 50.045.636 đồng theo giấy đề nghị cấp thẻ

tín dụng kiêm hợp đồng số 2084353 ngày 23/6/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T- Chi nhánh Lào Cai với bà Nguyễn Thị Minh T.

Kể từ ngày 10/8/2023, bà Nguyễn Thị Minh T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2084353 ngày 23/6/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T- Chi nhánh Lào Cai với bà Nguyễn Thị Minh T cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 12.636.651(Mười hai triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm lăm mươi mốt đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T - Chi nhánh Lào Cai không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T - Chi nhánh Lào Cai 5.415.700đồng (Năm triệu bốn trăm mười lăm nghìn bảy trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: AC – 22P số 0000135 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*( Đã ký)*

**Lê Kim Phượng**